TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 884/2017/DS-PT
Ngày: 26-9-2017
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2/ Ông Dương Tuấn Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1903/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên toà số 4963/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2017 và Quyết định tạm ngưng phiên toà số 129/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A**;

Địa chỉ: 442 Đường V1, Phường S, Quận R1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Vũ Hồng Như H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: 442 đường V1, Phường S, Quận R1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 274/UP-ACBA.15 ngày 02/10/2015) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1/ Bà **Lê Thị Hồng B**, sinh năm 1970;

2.2/ Ông **Huỳnh Minh C**, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: 662/39 Đường V2, Phường S1, Quận R2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Chu Văn D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 477 Đường V3, phường T, Quận R3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 239, quyển số 01 TP/CC-SCC/UQ ngày 07/01/2016 tại Văn phòng công chứng Tân Thuận và Giấy ủy quyền số 18244, quyển số 08 TP/CC-SCC/UQ ngày 30/8/2016 tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Ngô Kim G**. (vắng mặt)

Địa chỉ: 205/22 đường V4, Phường S2, Quận R1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – ông Huỳnh Minh C, bà Lê Thị Hồng B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2015 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Hồng Như H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng A và bà Lê Thị Hồng B, ông Huỳnh Minh C có ký các Hợp đồng và cấp tín dụng chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng Trung dài hạn số 158974629 ngày 03/5/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158974629/SĐBS-01 ngày 03/5/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158974629/SĐBS-02 ngày 27/7/2015. Để thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng A cho bà B và ông C giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 01 ngày 03/5/2013, chi tiết như sau: Số tiền vay/hạn mức: 1.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Số tiền giải ngân: 1.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Mục đích: Thanh toán tiền mua nhà để ở. Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi trong hạn: 12%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = LS13 + 6 + X. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 27/8/2015, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn vào ngày 26/9/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/6/2017, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đã thanh toán cho Ngân hàng A vốn gốc: 264.462.459 đồng, lãi trong hạn: 373.101.213 đồng, phạt chậm trả lãi: 239.073 đồng, phạt chậm trả vốn: 472.193 đồng. Bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: Vốn gốc 1.135.537.541 đồng. Lãi trong hạn 110.235 đồng. Lãi quá hạn 379.695.365 đồng. Tổng cộng: 1.515.343.141 (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn một trăm bốn mươi mốt) đồng.

2. Hợp đồng tín dụng Trung dài hạn số 158975679 ngày 03/5/2013. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-01 ngày 03/5/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-02 ngày 27/7/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-03 ngày 27/7/2015. Để thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng A đã cho bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C giải ngân bằng 02 khế ước nhận nợ, chi tiết như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 01 (số TCBS: 158976759) ngày 03/5/2013. Số tiền vay/hạn mức: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Số tiền giải ngân: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 03/5/2013 đến ngày 03/5/2020. Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi trong hạn: 12%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Sau đó lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = LS13 + 5,58 + X. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn, Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 27/8/2015, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 26/9/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/6/2017, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đã thanh toán cho Ngân hàng A vốn gốc: 0 đồng, lãi trong hạn: 110.356.897 đồng, phạt chậm trả lãi: 364.049 đồng, phạt chậm trả vốn: 90.258 đồng. Bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: vốn gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Lãi trong hạn: 9.031.992 đồng. Lãi quá hạn: 133.750.000 đồng. Tổng cộng: 542.781.992 (Năm trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi mốt ngàn chín trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 02 (số TCBS: 159212089) ngày 07/5/2013. Số tiền vay hạn mức: 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng. Số tiền giải ngân: 1.000.000.000đồng. Thời hạn vay: từ ngày 07/5/2013 đến ngày 03/5/2020. Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi trong hạn: 12%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Sau đó lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = LS13 + 5,82 + X. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 27/8/2015, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 26/9/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/6/2017, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đã thanh toán cho Ngân hàng A vốn gốc: 0 đồng, lãi trong hạn: 23.961.980 đồng, phạt chậm trả lãi: 1.060.252 đồng, phạt chậm trả vốn: 225.720 đồng. Bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: Vốn: 1.000.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 23.961.980 đồng. Lãi quá hạn: 334.378.000 đồng. Tổng cộng: 1.358.336.980 (Một tỷ ba trăm năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm tám mươi) đồng.

3. Căn cứ Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A, Giấy đề nghị cấp thẻ số 4213 1840 02601 ngày 20/8/2013 của bà Lê Thị Hồng B

và ông Huỳnh Minh C, các văn bản của bà B, ông C ký với Ngân hàng A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 20/8/2013, Ngân hàng A đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3925 7015 8739 cho bà B, ông C, chi tiết như sau: Số thẻ: 4791 3925 7015 8739, Ngày cấp: 20/8/2013, Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, Hiệu lực thẻ: tháng 8/2016. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng, vi phạm 4 kỳ liên tục từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015. Ngày 15/5/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó ngày 08/9/2015, Ngân hàng A đã ra thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Tính đến ngày 29/6/2017, bà B và ông C còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: Vốn: 62.144.052 đồng. Lãi quá hạn: 55.789.679 đồng. Tổng cộng: 117.933.731 (một trăm mười bảy triệu chín trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi mốt) đồng.

Các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bởi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 560508 ngày 03/5/2013 được công chứng tại Phòng công chứng Trung tâm, số công chứng 003901 và đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và môi trường Quận 08 số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2013, số thứ tự 22420.

Trong quá trình vay vốn, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cũng như vi phạm điểm 5 khoản 1 Điều 11 các Hợp đồng tín dụng nêu trên "Bên vay có liên quan đến vụ kiện mà theo nhận định của ACB là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của bên vay" mà điển hình là tháng 3/2014 ông Ngô Kim G khởi kiện bà B ông C bằng một vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản khác. Do đó, ngày 27/8/2015, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và đã thông báo trước cho bà B ông C bằng thư tín qua hình thức chuyển phát của Trung Tín Express có giấy xác nhận ngày 28/8/2015; Ngày 26/9/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, đến ngày 05/10/2015 Ngân hàng A khởi kiện ra tòa.

Ngân hàng A yêu cầu chấm dứt việc cho vay, thu hồi trước hạn tất cả các khoản nợ vay chưa thanh toán. Bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/6/2017 là: Vốn: 2.597.681.593 đồng, Lãi trong hạn: 33.104.207 đồng, Lãi quá hạn: 903.610.044 đồng. Tổng cộng: 3.534.395.844 (Ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng A với bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C.

+ Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Nếu bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Chu Văn D trình bày: Ông C, bà B xác nhận vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng nêu trên và đến thời điểm hiện tại, ông C, bà B còn nợ Ngân hàng theo số nợ vốn và lãi như Ngân hàng trình bày.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng A vì vụ kiện ông G kiện bà B và ông C không liên quan gì đến vụ án này, không ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của bị đơn vì tài sản đã được đảm bảo thi hành án bằng giao dịch đăng ký bảo đảm đã được đăng ký, trong văn bản thông báo thu hồi nợ trước hạn không nêu lý do này và phía bà B ông C cũng chưa nhận văn bản thông báo thu hồi nợ trước hạn, cũng như không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Ngô Kim G trình bày: Tháng 3/ 2014 ông có khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C, vụ án đến nay chưa giải quyết xong. Ông có yêu cầu và Tòa án nhân dân Quận R đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2014/QĐ-BPKCTT ngày 16/4/2014 quyết định "*Phong tỏa giá trị phần còn lại tài sản của người có nghĩa vụ*" đối với nhà và đất tại số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 88, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI777520 ngày 29/5/2012 do Ủy ban nhân dân Quận R cấp cho bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C, sau khi trừ đi số nợ của Ngân hàng A với bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C. Cho đến nay ông vẫn chưa có đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Nội dung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này chỉ phong tỏa giá trị phần tài sản còn lại sau khi trừ đi số tiền nợ giữa Ngân hàng A với bà B ông C, không ảnh hưởng gì đến vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này. Nên ông G đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật và ông không có ý kiến gì.

Các đương sự đều thống nhất Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2014/QĐ-BPKCTT ngày 16/4/2014 của Tòa án nhân dân Quận R "*Phong tỏa giá trị phần còn lại tài sản của người có nghĩa vụ*" đối với nhà và đất tại số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh thì việc ngăn chặn giá trị phần còn lại tài sản của người có nghĩa vụ chỉ thực hiện tại cơ quan Thi hành án, không liên quan gì đến vụ án này nên các bên không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 29/6/2017 là: Vốn 2.597.681.593 đồng, Lãi trong hạn: 33.104.207 đồng, Lãi quá hạn: 903.610.044 đồng. Tổng cộng: 3.534.395.844 (Ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 30/6/2017, bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng Trung dài hạn số 158974629 ngày 03/5/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158974629/SĐBS-01 ngày 03/5/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158974629/SĐBS-02 ngày 27/7/2015, Khế ước nhận nợ số 01 ngày 03/5/2013, Hợp đồng tín dụng Trung dài hạn số 158975679 ngày 03/5/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-01 ngày 03/5/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-02 ngày 27/7/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 158975679/SĐBS-03 ngày 27/7/2015, Khế ước nhận nợ số 01 (số TCBS: 158976759) ngày 03/5/2013, Khế ước nhận nợ số 02 (số TCBS: 159212089) ngày 07/5/2013, Thẻ tín dụng số 4791 3925 7015 8739 ngày 20/8/2013 giữa Ngân hàng A với bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C.

Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C thi hành xong số tiền trên thì Ngân hàng A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI777520 số vào sổ cấp GCN: CH01836 do UBND Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2012 cho bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đối với nhà đất số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng A thì ngân hàng Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI777520 số vào sổ cấp GCN: CH01836 do UBND Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2012 cho bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đối với nhà đất số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 560508 ngày 03/5/2013 được công chứng tại Văn Phòng công chứng Trung tâm, số công chứng 003901 và đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và môi trường Quận R số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2013, số thứ tự 22420 để thu hồi nợ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C phải liên đới chịu án phí dân sự

sơ thẩm là 102.687.917 (một trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm mười bảy) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.066.334 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000339 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận R.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/7/2017, bị đơn – ông Huỳnh Minh C, bà Lê Thị Hồng B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu được tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng, không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao hợp đồng thuê nhà ngày 20/02/2013, giữa bị đơn và bà Đặng Trúc H, bản sao sổ đăng ký tạm trú tại nhà số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn cho rằng Toà cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh về những người đang cư trú tại căn nhà bị yêu cầu phát mãi và đưa những người này vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký kết giữa Ngân hàng A với bà Lê Thị Hồng B, ông Huỳnh Minh C các bên đều thừa nhận là đúng và hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng hợp pháp nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xác định những tình tiết là sự thật.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên: Bản án quyết định "Trường hợp bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng A thì Ngân

hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI777520 số vào sổ cấp GCN: CH01836 do UBND Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2012 do bà Lê Thị Hồng B và ông Huỳnh Minh C đối với nhà đất số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R theo hợp đồng thế chấp số 560508 ngày 03/5/2013 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm số công chứng 003901 và đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên môi trường Quận R/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2013, số thứ tự 22420 để thu hồi nợ.

Quá trình sơ thẩm có xác minh tại nhà số 55 đường 152 Đường V5, Phường S2, Quận R còn có những người sau đây cư trú, tạm trú tạm trú: Bà Võ Thị Lý sinh năm 1929; Huỳnh Tấn Phát sinh năm 1995; Huỳnh Tấn Đạt sinh năm 2001; Huỳnh Tấn Thịnh, sinh năm 2007; Huỳnh Lê Bảo Trân sinh năm 2009 là mẹ và con của bà Lê Thị Hồng B). Nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có nghĩa vụ liên quan.

Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn giao nộp một hợp đồng cho thuê tầng trệt căn nhà số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, bên thuê là bà Đặng Trúc H trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 20/02/2013 đến ngày 20/3/2018. Hợp đồng không có công chứng nên không đảm bảo về hình thức theo quy định của pháp luật, nhưng cũng cần thiết xác minh để nếu có căn cứ thì cũng phải đưa bà Phương vào tham gia tố tụng với tư cách là người cóquyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Những thiếu sót nêu trên không thể bổ sung, khắc phục trong giai đoạn phúc thẩm nên cần phải hủy án để giải quyết lại.

Vì những lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 235/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận R để giải quyết lại ở cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Minh C và bà Lê Thị Hồng B về việc huỷ bản án sơ thẩm do Toà cấp sơ thẩm không đưa những người đang cư trú tại tài sản tranh chấp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải giao tài sản thế chấp là căn nhà số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi để thanh toán nợ cho nguyên đơn. Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ ngày 14/9/2016 của Công an Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh và sổ

đăng ký tạm trú do bị đơn cung cấp, những người đang cư trú tại căn nhà số 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: Bị đơn – ông Huỳnh Minh C và bà Lê Thị Hồng B, bà Võ Thị X sinh năm 1929 (mẹ bị đơn) và các con của bị đơn là Huỳnh Tuấn O1 sinh năm 1995, Huỳnh Tuấn O2 sinh năm 2001, Huỳnh Tuấn O3 sinh năm 2007 và Huỳnh Lê Bảo O4 sinh năm 2009. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản để thanh toán nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ đúng hạn nhưng không đưa những người hiện đang cư trú tại tài sản thế chấp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa xem xét giải quyết toàn diện vụ án và có thể gây khó khăn cho giai đoạn thi hành án dân sự. Ngoài ra, bị đơn cũng cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng thuê nhà giữa bị đơn và bà Đặng Trúc H. Vì vậy, cần tiến hành thu thập chứng cứ về giá trị pháp lý của hợp đồng thuê nhà, đưa bên thuê nhà và những người hiện đang cư trú tại căn nhà 55 đường số 152 Đường V5, Phường S2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan để xác định quyền, nghĩa vụ của họ đối với căn nhà này. Do những nội dung nêu trên không thể giải quyết tại phiên toà phúc thẩm nên cần huỷ bản án sơ thẩm, giao vụ án về cho Toà cấp sơ thẩm xét xử lại.

Từ những nhận định trên đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Minh C và bà Lê Thị Hồng B, huỷ bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Minh C và bà Lê Thị Hồng B. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Hồng B không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013129 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Minh C không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013130 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận R;
- THADS Quận R;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền